汉字练习纸

Chinese Character Writing Sheet

姓名 Name: _____ 成绩 Score: _____

wǔ. noon. *Piě, héng, héng, shù.*

午

tú chart. *Shù, héngzhégōu, piě, héngpiě, nà, diǎn, diǎn, héng.*

图

huí return. *Shù, héngzhégōu, shù, héngzhé, héng, héng.*

回